| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH HÀ GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày 15-4-2025

"*V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con*"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: ông Nguyễn Mạnh Cường.

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Trần Quyết Tiến, ông Hồ Như Thiêm.

- ***Thư ký phiên tòa*:** bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa*:** ông Nguyễn Đức Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 15/4/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 02/2024/TLST-HNGĐ, ngày 16/12/2024 về việc "*Xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/3/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Lù Thị L, sinh năm 1992; nơi đăng ký HKTT: Số B, ngách B, tổ A, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội; nơi ở hiện nay: Số C, đường F, thành phố M, Đài Loan; vắng mặt.

*Người được nguyên đơn uỷ quyền giao, nhận các văn bản tố tụng*: chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990 và anh Lê Đức T, sinh năm 2002; địa chỉ: B T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Bị đơn: anh Vàng Văn T1, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn C, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện đề ngày 22/10/2024, Bản tự khai đề ngày 22/10/2024, Đơn trình bày ngày 16/01/2025 và các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện của chị Lù Thị L* (*có xác nhận của Văn phòng K tại Đ*) *trình bày:*

Chị Lù Thị L và anh Vàng Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân (UBND) thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn năm 2009. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị L, anh T1 chỉ hạnh phúc được một thời gian đầu; sau đó thì cuộc sống vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn cho đến nay ngày càng trở nên căng thẳng. Nguyên nhân chủ yếu là do hai vợ chồng anh chị bất đồng quan điểm sống, tính cách của hai người không thể hoà hợp, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn. Chị L và anh T1 chính thức ly thân từ năm 2014 cho đến hiện

tại. Mặc dù hai vợ chồng chị L, anh T1 đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn, được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả, điều này ảnh hưởng đến cuộc sống của hai vợ chồng. Tháng 9/2024, vì điều kiện khó khăn nên chị Lù Thị L xuất cảnh sang Đài Loan để lao động. Đến nay nhận thấy mâu thuẫn đã rất trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị L đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vàng Văn T1 để hai người sớm ổn định cuộc sống của bản thân.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị L và anh T1 có 01 con chung là cháu Vàng Thị T2, sinh ngày 05/5/2010. Hiện nay, cháu T2 đang ở với anh Vàng Văn T1. Vì chị L đang ở nước ngoài, không có điều kiện trực tiếp nuôi con nên chị L đề nghị Toà án giao cháu Vàng Thị T2 cho anh Vàng Văn T1 chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T2 trưởng thành. Đề nghị Toà án ghi nhận cho chị Lù Thị L được quyền thăm nom, chăm sóc con mà không ai được ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lù Thị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T2 trưởng thành.

Về tài sản, công nợ chung: Không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Lù Thị L có đơn xin giải quyết vắng mặt, chị trình bày: Hiện nay chị Lù Thị L đang ở Đài Loan sinh sống và làm việc, khoảng cách quá xa xôi và điều kiện không cho phép nên chị không thể sắp xếp công việc về Việt Nam tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, các phiên toà xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị Lù Thị L và anh Vàng Văn T1 được. Vì vậy, chị đề nghị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, trong các phiên toà xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị Lù Thị L và anh Vàng Văn T1. Mọi vấn đề chị L đã trình bày trong đơn khởi kiện và các bản tự khai, chị đề nghị Toà án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị Lù Thị L cam kết sẽ thực hiện nghiêm chỉnh mọi quyết định của Toà án.

Tại Giấy uỷ quyền lập ngày 22/10/2024, chị Lù Thị L uỷ quyền cho chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990 và anh Lê Đức T, sinh năm 2002; cùng địa chỉ: B T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội thực hiện việc giao nhận các văn bản tố tụng của Toà án; nộp phí, lệ phí theo quy định của pháp luật; giao nhận bản án, quyết định của Toà án có liên quan đến vụ việc tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị Lù Thị L và anh Vàng Văn T1 (theo nội dung, phạm vi uỷ quyền đã được nêu trong giấy uỷ quyền lập ngày 22/10/2024) và thông báo lại cho chị biết.

*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Vàng Văn T1 trình bày:* Vợ chồng anh Vàng Văn T1 và chị Lù Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn năm 2009. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị chỉ hạnh phúc được một thời gian đầu. Sau đó thì cuộc sống bắt đầu phát sinh mâu thuẫn cho đến nay ngày càng trở nên căng thẳng. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách của hai vợ chồng không thể hoà hợp, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn. Anh T1 và chị L chính thức ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Mặc dù cả hai đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn,

được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả, điều này ảnh hưởng đến cuộc sống của hai vợ chồng. Tháng 9/2024, vì điều kiện cuộc sống khó khăn nên chị Lù Thị L đã xuất cảnh sang Đài Loan để lao động, tìm kiếm việc làm. Đến nay nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Lù Thị L đã gửi đơn xin ly hôn đến Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang, anh Vàng Văn T1 cũng đồng ý với nội dung yêu cầu của chị L, anh T1 đề nghị Toà án xem xét, giải quyết cho anh chị được ly hôn để cả hai sớm ổn định cuộc sống của bản thân.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh T1 chị L có 01 con chung là cháu Vàng Thị T2, sinh ngày 05/5/2010. Hiện nay, cháu T2 đang ở với anh T1 tại thôn C, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang. Anh T1 đồng ý với ý kiến của chị L, đề nghị Toà án giao cháu Vàng Thị T2 cho anh T1 nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu T2 trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lù Thị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T2 trưởng thành, đề nghị Toà án ghi nhận sự tự nguyện của chị L.

Về tài sản, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Vàng Văn T1 có đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 26/12/2024 với lý do: Hiện tại do sức khoẻ không tốt, khoảng cách xa xôi và điều kiện đi lại khó khăn nên anh T1 không thể có mặt trong các buổi làm việc của Toà án. Anh Vàng Văn T1 đề nghị Toà án giải quyết thủ tục ly hôn vắng mặt anh, anh T1 xin được vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, các phiên toà xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị Lù Thị L và anh Vàng Văn T1. Mọi vấn đề anh T1 đã trình bày trong đơn, đề nghị Toà án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh Vàng Văn T1 cam kết sẽ thực hiện nghiêm chỉnh mọi quyết định của Toà án, không có bất kỳ khiếu nại gì sau này.

Tại Đơn trình bày nguyện vọng của cháu Vàng Thị T2, sinh ngày 05/5/2010, cháu T2 có nguyện vọng được ở với bố là anh Vàng Văn T1, vì cháu đã sống cùng anh T1 nhiều năm nay.

Tại phiên toà, nguyên đơn chị Lù Thị L, bị đơn anh Vàng Văn T1 vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai và có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang phát biểu quan điểm tại phiên toà:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn tại bản tự khai, đơn trình bày thể hiện nguyên đơn và bị đơn được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam nên quan hệ hôn

nhân giữa chị Lù Thị L và anh Vàng Văn T1 là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, chị L và anh T1 không hạnh phúc và đã ly thân từ năm 2014 đến nay nên việc chị L làm đơn đến Toà án đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1 là có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lù Thị L, xử cho chị được ly hôn với anh Vàng Văn T1. Về con chung: Giao cháu Vàng Thị T2, sinh ngày 05/5/2010 cho anh Vàng Văn T1 nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, cho đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lù Thị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Vàng Thị T2 số tiền 2.000.000 đồng/tháng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị L.

- Về án phí: chị Lù Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử* (*HĐXX*) *nhận định như sau*:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Việc chị Lù Thị L có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Vàng Văn T1 thuộc quan hệ tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lù Thị L đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang giải quyết cho chị ly hôn với anh Vàng Văn T1, sinh năm 1990, địa chỉ thôn C, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang. Chị Lù Thị L hiện nay sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Do vậy căn cứ vào điểm a, khoản 1, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên toà: Chị Lù Thị L là nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt với lý do hiện nay chị L đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan nên không thể sắp xếp công việc để tham gia tố tụng tại Toà án, chị L uỷ quyền cho chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990 và anh Lê Đức T, sinh năm 2002; cùng địa chỉ: B T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội thực hiện việc giao nhận các văn bản tố tụng của Toà án; nộp phí, lệ phí theo quy định của pháp luật; giao nhận bản án, quyết định của Toà án có liên quan đến vụ việc tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị Lù Thị L và anh Vàng Văn T1 (theo nội dung, phạm vi uỷ quyền đã được nêu trong giấy uỷ quyền lập ngày 22/10/2024) và thông báo lại cho chị biết. Bị đơn anh Vàng Văn T1 có đơn xin giải quyết vắng mặt với lý do sức khoẻ, điều kiện đi lại khó khăn, nên HĐXX căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Lù Thị L, bị đơn anh Vàng Văn T1.

[4] Việc gửi văn bản tố tụng của Toà án cho nguyên đơn: Mặc dù chị Lù Thị L là người có quốc tịch Việt Nam, nhưng tại thời điểm chị L xin ly hôn, chị đang sinh sống và làm việc tại Đ, chị L uỷ quyền cho chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990 và anh Lê Đức T, sinh năm 2002; cùng địa chỉ: B T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội thực hiện việc giao nhận các văn bản tố tụng của Toà án; nộp phí, lệ phí theo quy định của pháp luật; giao nhận bản án, quyết định của Toà án có liên quan đến vụ việc tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị Lù Thị L và anh

Vàng Văn T1 (theo nội dung, phạm vi uỷ quyền đã được nêu trong giấy uỷ quyền lập ngày 22/10/2024) và thông báo lại cho chị biết. Do đó, Toà án gửi các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị H và anh Lê Đức T theo địa chỉ cung cấp bằng hình thức báo phát theo quy định tại Điều 175 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lù Thị L.

[6] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án, chị Lù Thị L cung cấp cho Toà án bản sao Trích lục kết hôn số 72/TLKH-BS ngày 13/11/2024 của Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang; nội dung thể hiện chị Lù Thị L và anh Vàng Văn T1 đăng ký kết hôn ngày 18/4/2009, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T1 là hôn nhân hợp pháp.

[7] Quá trình chung sống chị L và anh T1 không hạnh phúc, mâu thuẫn do bất đồng quan điểm vợ chồng nên vợ chồng chị L đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay không còn yêu thương nhau nữa; mặc dù chị L, anh T1 không có mặt tại phiên toà nhưng trong các văn bản ghi ý kiến của chị L, anh T1 đều thể hiện và xác nhận mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cả hai người không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, mặc dù đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn, gia đình hai bên cũng động viên, khuyên bảo nhưng đều không có kết quả, điều này ảnh hưởng rất nhiều đến cuộc sống của cả hai người.

[8] Xét thấy, chị L và anh T3 đã sống ly thân từ năm 2014, không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lù Thị L theo quy định tại Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[9] Về con chung: Các đương sự có 01 con chung tên là Vàng Thị T2, sinh ngày 05/5/2010. Trong đơn khởi kiện của chị L, Đơn trình bày của anh Vàng Văn T1, Đơn trình bày nguyện vọng của cháu Vàng Thị Tuyết Đ thể hiện quan điểm thống nhất của các đương sự về việc giao cháu Vàng Thị T2 cho anh Vàng Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu T2 trưởng thành.

[10] Trên cơ sở ý kiến thống nhất của các đương sự về việc giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng; căn cứ vào nguyện vọng của cháu Vàng Thị T2 muốn được ở với bố. Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao cháu T2 cho anh T1 nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu T2 theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Lù Thị L.

[11] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lù Thị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Vàng Thị T2 số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi. Chị L đề nghị Toà án ghi nhận sự tự nguyện của chị. Xét thấy, quan điểm, ý kiến của chị L là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận. Do cháu Vàng Thị T2 đang ở cùng với anh Vàng Văn T1 nên cần giao cho anh T1 là người đại diện nhận khoản tiền cấp dưỡng cho cháu T2.

[12] Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự xác nhận không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[13] Ý kiến, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ cần được chấp nhận.

[14] Về án phí: Chị Lù Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

[15] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 38, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 474 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lù Thị L.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lù Thị L được ly hôn với anh Vàng Văn T1.

3. Về con chung: Giao cháu Vàng Thị T2, sinh ngày 05/5/2010 cho anh Vàng Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu cho đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ chăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết hoặc do yêu cầu của một trong các bên đương sự, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lù Thị L về việc cấp dưỡng cho cháu Vàng Thị T2 số tiền 2.000.000 đồng/tháng, thời hạn cấp dưỡng là kể từ tháng 5 năm 2025 cho đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi. Khoản tiền cấp dưỡng do anh Vàng Văn T1 (bố đẻ của cháu T2) là người đại diện nhận.

*Số tiền nói trên kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

5. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có nên các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

6. Về án phí: Chị Lù Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng, tổng cộng là 600.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000042 ngày 12/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang. Chị L còn phải chịu số tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng.

7. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, chị Lù Thị L vắng mặt tại phiên toà, được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Vàng Văn T1 vắng mặt tại phiên toà, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Cục THADS tỉnh Hà Giang;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, Tổ HCTP; Phòng KTNV-TAND tỉnh.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

**Nguyễn Mạnh Cường**